TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 246/2018/QĐST- HNGĐ	*Thái Bình, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lý Thị Hoài H - sinh năm 1986.

HKTT: Số nhà 21, ngõ 527, tổ 27, phường L, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Số nhà 05, ngõ 81, đường Trần Khánh D, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

- Anh Trần Ngọc T - sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số nhà 46, ngõ 453, đường Đ, tổ 10, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn từ ngày 16/9/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sớm nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách. Vợ chồng đã giải quyết mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay vợ chồng không còn tình cảm không thể chung sống hạnh phúc nên thuận tình ly hôn.

[2]Vợ chồng thỏa thuận:

[2.1]Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con chung Trần Lý Bảo A, sinh ngày 18/10/2017. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 12/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Chị H,

anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.2]Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung không có nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.3]Về lệ phí: Chị H phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lý Thị Hoài H và anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con chung Trần Lý Bảo A, sinh ngày 18/10/2017. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 12/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung không có nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Lý Thị Hoài H phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 150.000 đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0007331 ngày 15/11/2018

Anh Trần Ngọc T phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 150.000 đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0007330 ngày 15/11/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKDND thành phố Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *UBND p.Đ, tp B.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……../……/QĐST-HNGĐ[2]	*……., ngày …*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]……. Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ[4]…….. Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[6].....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[7].....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[8]

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: .....

.....

- Về con chung: .....

.....

- Về tài sản chung: .....

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án: .....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận: *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành

phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

Mẫu số 32-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)